

Bản án số: 189/2021/HS-PT

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

“ Nguyễn Thanh S
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 638/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: N), sinh năm 1993 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi đăng ký NKTT và cư trú: 44/1 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng Kim và bà Phan Thị Yên; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 14/7/2020 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đỗ Hải Bình - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

Ngoài ra còn có 04 người bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa năm 2017 đến tháng 4/2018, Nguyễn Thanh S đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt của những người như sau:

Tháng 11/2017, S thuê xe ô tô Toyota Innova, biển kiểm soát 49A-115.49 của anh Nguyễn Duy C (xe này C thuê của bà Huỳnh Thúy U rồi cho bị cáo thuê lại), không xác định thời hạn thuê. Sau khi thuê được xe, S đến nhà anh Lê Công M nói là xe bị cáo mua 700.000.000 đồng, nếu M góp $\frac{1}{2}$ tương ứng 350.000.000 đồng thì S sẽ thuê xe lại và hàng tháng trả tiền thuê xe cho anh M. M tin là thật nên đồng ý và đưa cho S nhiều lần tổng cộng 350.000.000 đồng và S viết giấy nhận tiền, lập hợp đồng

thuê xe từ ngày 19/11/2017 đến 19/11/2018, trả tiền thuê hàng tháng 9.000.000 đồng. Sau đó, hàng tháng S trả tiền thuê xe cho M. Đến ngày 16/01/2018 S thỏa thuận bán xe này cho M giá 520.000.000 đồng và thỏa thuận S thuê lại xe giá 18.000.000 đồng/tháng, nên M đưa thêm cho S 170.000.000 đồng (cộng với 350.000.000 đồng đã hùn) là đủ. S viết biên nhận nhận 170.000.000 đồng. Do S nói để S làm thủ tục sang tên nên M không kiểm tra giấy tờ xe. Sau khi nhận đủ tiền, S viện nhiều lý do để không giao xe cho M cho đến đầu tháng 5/2018 vẫn không giao xe nên M tố cáo. Hiện xe này đã thu hồi trả cho chủ sở hữu, gia đình S đã bồi thường cho M đủ 520.000.000 đồng và M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 01/3/2018, S cũng sử dụng xe ô tô này (biển số 49A-115.49) đến gặp bà Phạm Thị Huyền L và Thế A (con bà L) nói là S liên kết với bà Thúy U và đưa giấy tờ xe cho bà L xem nên bà L tin và cho S thế chấp xe để vay 105.000.000 đồng, ngày 15/3/2018 vay thêm 22.000.000 đồng. Sau khi nhận xe thế chấp, anh Thế A đậu xe trên đường Trần Phú thì anh C phát hiện lấy lại xe. Gia đình bị cáo đã bồi thường 127.000.000 đồng nên bà L có đơn bãi nại.

Tháng 7/2017, S thuê của anh Phan Cảnh Vũ H xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze, biển số 49A-168.79 giá 10.000.000 đồng/tháng (*Xe này H mua của Nguyễn Đức V và nhờ V vay Ngân hàng BIDV 300.000.000 đồng*). Đến tháng 9/2017, S thỏa thuận mua xe này của H với giá 360.000.000 đồng. S đưa cho H 90.000.000 đồng, trong đó trả tiền thuê xe 3 tháng là 30.000.000 đồng, thanh toán trước 60.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì S có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng do V đã vay hộ H. Ngày 18/01/2018, S thế chấp xe này để vay của bà L 150.000.000 đồng, sau đó vay thêm 20.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ, ngày 27/02/2018, S thỏa thuận bán xe biển số 49A-168.79 cho bà L giá 270.000.000 đồng để trừ nợ 170.000.000 đồng, bà L trả thêm cho S 90.000.000 đồng, khi làm xong thủ tục sang tên sẽ trả 10.000.000 đồng còn lại. M dùng tiền này trả cho Ngân hàng BIDV 50.000.000 đồng. Cuối tháng 3/2018, S kêu Thế A đưa xe cho S để làm thủ tục sang tên, Thế A cùng đi với S đến Phòng Cảnh sát giao thông Lâm Đồng thì S kêu Thế A giao xe để S đi đăng kiểm xong sẽ giao xe lại nên Thế A giao xe biển số 49A-168.79 cho S. Ngày 02/4/2018, S mang xe biển số 49A-168.79 đến bán cho Lê Công M giá 340.000.000 đồng với điều kiện M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng BIDV 250.000.000 đồng và trừ 90.000.000 đồng S còn nợ M. M đồng ý nên S liên lạc với H đưa M đi làm thủ tục thanh toán Ngân hàng và sang tên chủ sở hữu xe xong trong ngày 02/4/2018. Sau khi làm xong thủ tục, S nói là xe đang cho khách thuê chưa thể giao cho M, nên lấy lại xe biển số 49A-168.79 rồi đem trả xe cho Thế A và nói chưa làm xong thủ tục sang tên. Ngày 31/5/2018, M phát hiện xe đậu ở nhà Thế A nên đã báo Công an. Quá trình điều tra đã trả xe cho M, gia đình S đã bồi thường cho bà L 260.000.000 đồng và bà L có đơn bãi nại.

Khoảng tháng 4/2017, S nói cho anh Nguyễn Văn H¹ là có lô xe gắn máy thanh lý, giá một xe có giấy tờ là 10.000.000 đồng. H¹ đồng ý mua 14 chiếc. H¹ rủ Nguyễn Hữu T góp tiền mua chung. Sau đó H¹ chuyển cho S 140.000.000 đồng (tiền của H¹ 80.000.000 đồng, tiền của T 60.000.000 đồng) nhưng S không giao xe. H¹ liên lạc nhiều lần thì S chuyển trả lại 35.000.000 đồng rồi tắt máy không liên lạc được nên tố cáo đến công an. Ngày 22/10/2019, gia đình S bồi thường cho H¹, T xong và cả hai có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Tổng số tiền S chiếm đoạt của các bị hại là 1.047.000.000 đồng, đã bồi thường xong và các bị hại đều có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 12 (*mười hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 14/7/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bị cáo Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì gia đình bị cáo có công cách mạng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh S giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì ông nội, bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng, có huân chương kháng chiến hạng 3 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ và tất cả bị hại đều bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét đã tổng hợp để xét xử bị cáo ở khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nên đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội từ 2 lần trở lên đối với bị cáo. Bị cáo đã bồi thường xong và tất cả bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo; ông bà nội của bị cáo là người có công với nước nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định từ năm 2017 đến tháng 4/2018, bị cáo Nguyễn Thanh S đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt của ông Lê Công M 520.000.000 đồng, bà Phạm Thị Huyền L 387.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H¹ và Nguyễn Hữu T 140.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 1.047.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Việc áp dụng khung hình phạt tăng nặng là căn cứ vào trị giá tài sản chiếm đoạt, còn việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội. Do đó, không chấp nhận lời bào chữa của luật sư đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm.

Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quy định: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”*.

Tuy bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là: đã tự nguyện bồi thường xong toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời bị cáo còn có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tất cả những người bị hại đều đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ đáng kể về hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng bị kết án, ông nội của bị cáo có huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, bà nội của bị cáo có Huân chương kháng chiến hạng 3 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy, bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm cũng đã đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, nhưng Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức hình phạt quá nghiêm khắc. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung và thể hiện đường lối xét xử hình sự là khoan hồng đối với người phạm tội đã biết ăn năn hối lỗi, đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại và đã được tất cả người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: N), sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: N) phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S (Tên gọi khác: N) 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 22/7/2019 đến ngày 14/7/2020.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng
- Bị cáo (tại ngoại)
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Vụ này có trong tiêu mục 13, phần I, Phần kiến nghị của các Tòa án địa phương kèm theo Báo cáo Kết luận kiểm tra ngày 21/12/2019 của Tòa án nhân dân tối cao do PCA Nguyễn Văn Du ký

Liên ngành Bộ Công an, VKSNDTC, TANDTC đã có Văn bản số 4935/C02-P8 ngày 09/10/2019 thống nhất quan điểm chưa đủ căn cứ xác định Thân Thị Diệu, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Ngọc Cần và Nguyễn Thị Kim Thảo là đồng phạm.

